

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/HNGĐ-ST.
Ngày: 19 – 4 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Ông Phùng Hiếu Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/3/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Lê Linh P – sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm Q, Phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh L – sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm Q, Phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Lê Linh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh L tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì bắt đầu chung sống vợ chồng vào năm 1990, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đám cưới, chị P và anh L sống chung bên nhà cha mẹ ruột của anh L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do

tính tình không còn phù hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cãi. Đến năm 2013, chị P bỏ nhà lên thành phố K làm thêm để lấy tiền lo cho con ăn học, cuối tuần chị P về thăm nhà một lần, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng cũng đã sống ly thân về mặt tình cảm từ đó đến nay. Khoảng 03 tháng nay thì chị P đã dọn ra ngoài sống riêng và ly thân với anh L. Nay chị P nhận thấy tình cảm không còn, Do đó, chị P yêu cầu ly hôn anh L.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 21/12/1992. Nay đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị P và anh L đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu cũng như chung sống anh L thống nhất theo lời khai của chị P. Sau đám cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cãi. Năm 2013, chị P tự ý bỏ nhà đi làm xa mà không cho anh L biết, lâu lâu chị P có về thăm nhà một lần. Từ đó tình cảm vợ chồng cũng không còn như trước, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Nay anh L xác định không còn tình cảm với chị P, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống. Anh L đồng ý ly hôn chị P.

- Về nuôi con chung: Anh L thống nhất có 01 con tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 21/12/1992, đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị P và anh L đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Không công nhận chị P và anh L là vợ chồng; Về nuôi con chung: Con chung đã thành niên nên không xem xét; Về chia tài sản chung đã thỏa thuận xong; Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Lê Linh P về việc yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thanh L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Lê Linh P và anh Nguyễn Thanh L chung sống vợ chồng từ năm 1990, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. ..”

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay, chị P và anh L phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị P và anh L đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị P và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị P và anh L không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..”

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Hai bên đã sống ly thân về mặt tình cảm từ năm 2013 cho đến nay. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn anh L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị P và anh L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 21/12/1992, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung: Chị P và anh L đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị P và anh L là vợ chồng là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Lê Linh P và anh Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 21/12/1992, đã thành niên.

3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Lê Linh P và anh Nguyễn Thanh L đã thỏa thuận xong.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Lê Linh P nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp ngày 18/3/2019 theo biên lai thu số 0009473 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSĐ
- THA Dân sự TPSĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy